

# ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA BÃO VÀ TRIỀU CƯỜNG ĐẾN SINH KẾ CỦA NHÓM NGƯỜI NGHÈO VÙNG VEN BIỂN, HẢI ĐẢO BẮC BỘ

TS. Lương Thị Thu Hằng - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

**B**ài viết này là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài đánh giá tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) đến nhóm người nghèo vùng Bắc Bộ và đề xuất các giải pháp giảm thiểu. Số liệu được sử dụng trong bài viết là một phần kết quả nghiên cứu tại các tỉnh Thái Bình, Hải Phòng và Thanh Hóa. Các biểu hiện của BĐKH và ảnh hưởng của nó đến sinh kế nhóm cư dân nghèo/cận nghèo ven biển, hải đảo Bắc Bộ qua nghiên cứu một số tỉnh ven biển sẽ được phân tích trong bài viết.

## 1. Giới thiệu

Sinh kế của hàng chục triệu người dân Việt Nam đang bị đe dọa bởi những ảnh hưởng của BĐKH. Tác động của BĐKH và những hệ quả của nó đang khiến cho cuộc sống của nhóm người nghèo, người cận nghèo ở Việt Nam bị đe dọa nghiêm trọng.

Đối với mục tiêu phát triển bền vững và giảm nghèo của Việt Nam, tác động của BĐKH là một trong những thách thức lớn nhất hiện nay. Việt Nam được đánh giá là một trong năm quốc gia bị tác động nghiêm trọng của BĐKH và được Liên hợp quốc chọn là quốc gia để tiến hành nghiên cứu điển hình về BĐKH và phát triển con người. Các nghiên cứu tại Việt Nam cho thấy, sinh kế của các nhóm dân cư, đặc biệt là nhóm người nghèo đang bị đe dọa nghiêm trọng bởi những BĐKH toàn cầu. Các thành tích về giảm nghèo của Việt Nam trong 20 năm qua có thể bị suy giảm, tỉ lệ nghèo và tái nghèo có nguy cơ tăng cao do tác động của BĐKH. Để giảm nghèo bền vững và hoạch định các chiến lược sinh kế bền vững ứng phó với BĐKH tại các vùng của Việt Nam, trong đó có vùng ven biển, hải đảo Bắc Bộ, đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách, các nhà khoa học và các nhà quản lý phải có những nghiên cứu khoa học xác đáng với đầy đủ các bằng chứng khoa học đáng tin cậy. Trên cơ sở đó, phải xây dựng các biện pháp giảm thiểu, các kế hoạch hành động cụ thể, ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, mang tính chiến lược phù hợp với điều kiện địa lý, dân cư và văn hóa trong việc ứng phó với BĐKH và giảm nghèo bền vững.

## 2. Số liệu và Phương pháp nghiên cứu

Số liệu được sử dụng trong bài viết là kết quả nghiên cứu đánh giá những tác động trực tiếp và gián tiếp của BĐKH đến nhóm người nghèo, vấn đề nghèo đói thông qua các tiêu chí, chỉ số đánh giá tác động của BĐKH, giảm nghèo bền vững bao gồm sự tăng trưởng ổn định về kinh tế, các chiến

lược sinh kế bền vững cho người nghèo, vấn đề tiến bộ và công bằng xã hội cho nhóm người đô thị và nhóm người nông thôn. Khai thác hợp lý và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường sống, bảo tồn văn hóa các khu vực có nhóm người chịu ảnh hưởng của BĐKH.

Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận liên ngành, tiếp cận vùng, tiếp cận cộng đồng, nhóm xã hội nhấn mạnh đến yếu tố ảnh hưởng của BĐKH và nghèo đói, triển khai phương pháp nghiên cứu đánh giá, nghiên cứu thực nghiệm, nghiên cứu so sánh. Các lý thuyết về phát triển bền vững, phát triển bền vững vùng, phát triển sinh kế bền vững nhằm phân tích đánh giá tác động của BĐKH đến nhóm người nghèo, nghèo đói vùng Bắc Bộ cũng được sử dụng trong nghiên cứu này. Nghiên cứu đánh giá tác động của BĐKH đến đời sống và sinh kế cư dân ven biển hải đảo, sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính, gồm các công cụ thu thập thông tin như quan sát tham dự, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, điều tra khảo sát bằng bảng hỏi cho hộ gia đình và cá nhân theo các tiêu chí về địa lý, giới, dân tộc, lứa tuổi, nghề nghiệp và phân loại kinh tế hộ.

Trên cơ sở phân tích dữ liệu định tính/định lượng, các nhóm chỉ số đánh giá tác động trực tiếp và gián tiếp của BĐKH đến người nghèo đói cũng sẽ được phân loại làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp giảm thiểu và ứng phó với BĐKH của nhóm người nghèo vùng ven biển, hải đảo Bắc Bộ.

## 3. Các biểu hiện ảnh hưởng của BĐKH đến đời sống, sinh kế của cư dân nghèo ven biển, hải đảo

Người nghèo sống tại các vùng ven biển đặc biệt dễ bị tổn thương với hiện tượng thời tiết cực đoan xảy ra hàng năm. Với hơn 3.000 km bờ biển, Việt Nam là một trong những nước phải gánh chịu ảnh hưởng của bão nhất trên thế giới. Theo Báo cáo Theo dõi toàn cầu năm 2008 của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam xếp thứ 8 trong số 10 quốc gia chịu

tổn thương cao nhất ở Đông Á do các tác động của thời tiết cực đoan. Một con số đáng chú ý là 70% dân số Việt Nam sống tại các khu vực chịu ảnh hưởng của các thiên tai liên quan đến nước.

Trong tất cả các nguyên do khác nhau, thiên tai liên quan đến nước dễ làm người nghèo bị tổn thương hơn. Họ thường sống ở các khu vực dễ bị ảnh hưởng của lũ lụt và các thiên tai khác nhưng ít người trong số họ được sống trong các ngôi nhà kiên cố và vững chắc. Tác động của lũ lụt, bão, hoặc hạn hán ảnh hưởng lớn hơn đối với người nghèo vì họ có ít nguồn lực để phục hồi. Không có khả năng trả nợ hoặc vay nợ mới, sự tăng giá thực phẩm, và bệnh tật do các dịch bệnh có nguồn gốc từ nước ít nhiều đều có thể ảnh hưởng đến người nghèo. Phụ nữ và nam giới chịu ảnh hưởng khác nhau do BĐKH, bởi họ đóng vai trò khác nhau trong kinh tế hộ gia đình. Họ có các nguồn lực khác nhau để thực hiện vai trò của mình, gồm trình độ học vấn khác nhau, khả năng tiếp cận quyền lực, các quy định xã hội, tiếp cận tín dụng, và sở hữu đất đai và các tài sản khác.

Tại Thanh Hóa, biểu hiện rõ rệt nhất của BĐKH là sự gia tăng của các thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan như: bão, mưa lớn, nắng nóng, tố lốc,... Sự gia tăng của các thiên tai, đặc biệt là sự gia tăng cường độ và tần suất của bão, áp thấp nhiệt đới và triều cường đã làm gia tăng các tai biến tự nhiên như: Xói lở bờ biển, bờ sông; sạt lở đất đá, lũ quét/lũ ống; sạt lở đê biển, đê sông; ngập úng diện rộng; xâm nhập mặn. Các khu vực bị ảnh hưởng lớn nhất là 5 huyện miền núi (Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Cẩm Thủy, Thạch Thành), 6 huyện, thị xã ven biển, 2 huyện thấp trung là Hà Trung và Nông Cống, vùng ven sông Mã, sông Yên. BĐKH đã và đang gây những tác động tiêu cực mạnh đến các vùng lãnh thổ khác nhau của Thanh Hóa, gây nhiều thiệt hại lớn đến sản xuất, đời sống của người dân, gây rủi ro lớn cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các biểu hiện và ảnh hưởng cụ thể gồm: i) Nắng nóng kéo dài trong vài năm gần đây đã làm gia tăng hạn hán, gây ảnh hưởng lớn đến năng suất cây trồng, làm phát sinh nhiều dịch bệnh cho cây trồng (dịch rầy nâu, bệnh khô vằn cây lúa). ii) Nắng nóng nhiều và kéo dài và độ mặn không ổn định đã gây tác động mạnh đến nuôi trồng thủy sản ở các huyện ven biển (huyện Đa Lộc) đặc biệt là nuôi ngao (tỉ lệ chết lên đến 20-40% so với 5-10% trước đây). iii) Suy giảm nguồn nước kết hợp với sự gia tăng xâm nhập mặn nên các huyện ven biển rất thiếu nguồn nước sinh hoạt và sản xuất.

Tại Hải Phòng, hiện tượng bão, triều cường gây

ảnh hưởng lớn đến nuôi trồng thủy sản. Do hệ thống có cao trình 3,5 m nên khi có bão và triều cường nước biển vượt qua đê bao gây úng ngập trong đê, ảnh hưởng lớn đến các ao, đầm nuôi trồng thủy sản, gây ô nhiễm nguồn nước. Hiện tượng gió nam, trong thời gian gần đây, tần suất và cường độ gió nam có sự biến động theo chiều hướng gia tăng, gây xói lở bờ biển đảo Cát Hải khá mạnh và gây ảnh hưởng lớn đến sự phân bố các nguồn hải sản ven bờ vùng ven biển huyện đảo Cát Hải.

#### **4. Khả năng bị tổn thương sinh kế của cư dân nghèo ven biển và hải đảo do BĐKH**

Khả năng bị tổn thương của sinh kế do BĐKH là một yếu tố chủ chốt liên quan, khi xem xét các tác động hiện tại và tương lai của nó. Đó là vấn đề sinh kế bền vững, là sinh kế có thể đối phó và phục hồi từ các cú sốc, duy trì hoặc tăng cường năng lực và tài sản trong khi không làm suy giảm các nguồn tài nguyên thiên nhiên (Chambers và Conway, 1992). Trong bối cảnh BĐKH ngày càng trở nên phức tạp cả ở hiện tại và tương lai, các sinh kế được đánh giá không chỉ dựa vào việc các sinh kế này có bền vững trên 3 phương diện kinh tế, xã hội và môi trường hay không, mà còn dựa vào việc các sinh kế này có thể giảm nhẹ BĐKH hoặc thích ứng với BĐKH hay.

Theo kết quả nghiên cứu đánh giá tại các tỉnh Thái Bình, Hải Phòng và Thanh Hóa, các hiện tượng thời tiết cực đoan và thiên tai trong 10 năm trở lại đây được người dân cho biết là ngày càng tăng về cường độ và tần suất. Các hiện tượng như: bão, dông lốc, xâm nhập mặn, hạn hán, lũ lụt, nắng nóng và rét đậm, rét hại trở nên ngày càng rõ rệt, gây ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống, sản xuất của cư dân ven biển, hải đảo các tỉnh này.

Kết quả khảo sát hộ gia đình khu vực ven biển hải đảo 3 tỉnh cho thấy, có đến 43,2% người được hỏi cho biết các hiện tượng thời tiết cực đoan ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của họ với các mức độ ảnh hưởng khác nhau. Có 18,1% người trả lời cho biết BĐKH ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất phi nông nghiệp, bên cạnh đó 77,4% cho biết phần lớn các công trình công cộng phục vụ sản xuất như đê điều, kênh mương, đường đê bị ảnh hưởng bởi BĐKH, cụ thể là các thiệt hại do bão, lũ lụt và hạn hán.

Đối với các đánh giá về sự thiệt hại trong sản xuất do các hiện tượng thời tiết cực đoan trong thời gian 10 năm trở lại đây, có 42,2% người được hỏi cho rằng họ bị thiệt hại nhiều và rất nhiều do BĐKH trong việc trồng trọt các loại cây lương thực, đối với cây hoa màu là 38,8% hộ bị thiệt hại ở mức độ nặng, có 4,9% số hộ bị thiệt hại hoàn toàn đối với cây

lượng thực và 6,4% số hộ bị thiệt hại hoàn toàn đối với cây màu. Đối với đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản, mức độ thiệt hại nhiều chỉ chiếm từ 14% đến 19% trên tổng số hộ được hỏi. Tuy nhiên, do mức độ đầu tư với hai loại sản xuất này, các hộ nghèo/cận nghèo đầu tư rất thấp, thậm chí không có đầu tư nên không thiệt hại nhiều về tài sản. Song thiệt hại lớn nhất đối với họ là thiệt hại trong khai thác, đánh bắt gần bờ, ven biển, đó được coi là nguồn mưu sinh hàng ngày của nhóm hộ này.

Thái Bình là tỉnh ven biển nằm trong khu vực châu thổ Đồng bằng sông Hồng, có thế mạnh về phát triển kinh tế nông nghiệp. Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Thái Bình luôn đạt bình quân trên 12%/năm. Tuy nhiên, Thái Bình đã và đang bị tác động mạnh bởi BĐKH và nước biển dâng. Thực tế những năm qua, trên địa bàn tỉnh Thái Bình do ảnh hưởng của BĐKH nên các hiện tượng thời tiết như: bão, lụt, áp thấp nhiệt đới xảy ra thất thường đã trực tiếp ảnh hưởng, gây thiệt hại nghiêm trọng đến nhiều ngành sản xuất và đời sống của người dân. Những cơn bão với cường độ ngày càng mạnh đã tàn phá nhiều cánh rừng ngập mặn cũng như rừng phòng hộ, làm suy thoái hệ sinh thái ven biển, ảnh hưởng lớn tới kinh tế thủy hải sản của địa phương. Đặc biệt là cơn bão số 8 đổ bộ trực tiếp vào Thái Bình vào cuối năm 2012 đã gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Trong đó thiệt hại nặng nề nhất là ngành nông nghiệp với 6.000 ha lúa mùa đã chín bị đổ, ngập sâu trong nước, gần 30.000 ha hoa màu, cây vụ đông bị hư hỏng nặng, hàng vạn cây lấy gỗ, cây ăn quả bị đổ; trên 8.000 ha nuôi trồng thủy sản bị ngập, trong đó 2 huyện ven biển Thái Thụy và Tiền Hải có gần 2.500 ha ngao bị thiệt hại nặng nề (Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình, 2013 – 2014).

Các đợt rét đậm, rét hại bất thường kéo dài vào cuối năm 2011 và đầu năm 2012 tại Thái Bình cho thấy sự gia tăng của thiên tai và các hiện tượng cực đoan của khí hậu, thời tiết làm ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp. Sâu bệnh phát sinh trên diện rộng, dịch bệnh gia súc, gia cầm bùng phát ở nhiều nơi. Nắng nóng kéo dài trong những năm gần đây, dẫn đến nước biển xâm nhập sâu vào đất liền làm cho đất canh tác tại các địa phương ven biển trong tỉnh bị mặn hóa.

Theo Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Bình, nếu mực nước biển dâng 50 cm thì diện tích đất có nguy cơ ngập lụt trên địa bàn tỉnh là 11,8%; nếu dâng lên 100 cm thì sẽ có khoảng 31,4% diện tích có nguy cơ bị ngập lụt. Trong đó, 2 huyện ven biển

Thái Thụy, Tiền Hải chịu tác động nặng nề nhất với diện tích ngập tương ứng là 31,86 km<sup>2</sup> và 35,91 km<sup>2</sup>... Dự báo đến năm 2100, Thái Bình sẽ bị xâm nhập mặn sâu thêm vào đất liền từ 3 - 9 km, uy hiếp trực tiếp đến an toàn hệ thống hồ chứa và hệ thống đê. Bên cạnh đó, sự diễn biến phức tạp của khí hậu, sự thay đổi các dòng chảy của sông, mực nước biển dâng đã và đang gây ra các hiện tượng sạt lở, xói mòn các bờ sông, bờ biển, phá hủy nhiều công trình cơ sở hạ tầng. Trong những năm gần đây, hầu hết các con sông chính chảy qua địa bàn tỉnh là sông Hồng, sông Trà Lý, sông Luộc... đều diễn ra quá trình sạt lở bờ sông, không chỉ ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống sản xuất, sinh hoạt của người dân mà còn đe dọa đến tính mạng của con người (Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Bình, 2014).

Thời gian tới, BĐKH sẽ tiếp tục tác động mạnh mẽ và rõ nét đối với các vùng ven biển như: nước biển dâng, mất đất sản xuất nông nghiệp tại các khu vực ven biển, tình trạng xâm nhập mặn. Với BĐKH, nhiều loại cây trồng truyền thống không còn thích nghi với điều kiện khí hậu mới, nên sẽ ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh và đang tác động mạnh đến hầu hết các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đặc biệt là sản xuất của cư dân ven biển tại tỉnh Thái Bình.

Khảo sát tại huyện đảo Cát Hải, Hải Phòng cho thấy sinh kế chính của các nhóm cư là khai thác hải sản ven bờ và nuôi trồng thủy. Trong đó các sinh kế truyền thống được duy trì và có hiệu quả tốt, khá ổn định ở các nhóm cư dân nghèo/cận nghèo bao gồm: đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, dịch vụ du lịch cá thể, chăn nuôi gà, dê núi, trồng cam, nuôi ong lấy mật. Một số loại hình sinh kế mới được hình thành và có hiệu quả ban đầu giúp giảm nghèo gồm: trồng rau xanh, chăn nuôi lợn lai, dịch vụ chuyên chở khách...Tuy nhiên các nguồn sinh kế này cũng luôn ở trong tình trạng dễ bị tổn thương do các tác động của BĐKH.

Trên thực tế ảnh hưởng của BĐKH ở khu vực các làng cá nổi ven biển, hải đảo đã biểu hiện và rất đáng quan tâm. Nhiệt độ cao trong những đợt giao nhau giữa 2 cơn nước làm cá chết nhiều, đã xảy ra trong khoảng 10 năm trở lại đây.

### 5. Các chiến lược ứng phó với BĐKH của chính quyền và nhóm cư dân ven biển và hải đảo Bắc Bộ

Trong bối cảnh BĐKH hiện nay, các hiện tượng thời tiết cực đoan và thiên tai diễn ra ngày càng mạnh mẽ và phức tạp, trước khi có sự can thiệp/hỗ trợ từ bên ngoài, người dân đã phải tìm cách tự đối

phó để bảo vệ bản thân, gia đình và cộng đồng. Những sáng kiến mà họ áp dụng chủ yếu được huy động từ vốn tri thức bản địa/tri thức địa phương được đúc kết từ nhiều đời trong việc tự bảo vệ sức khỏe, phòng chống bão lũ, khai thác và bảo vệ nguồn nước...

Hải Phòng là địa phương thường xuyên bị ảnh hưởng do bão cho nên những năm qua Hải Phòng luôn quan tâm công tác trồng rừng ngập mặn để giảm tác hại do thiên tai gây ra, đồng thời góp phần cải thiện môi trường sinh thái và xóa đói, giảm nghèo. Cư dân nhóm nghèo/cần nghèo thường là các hộ tham gia công tác trồng và bảo vệ rừng ngập mặn ven biển, như tại các xã Quang Vinh, Tiên Lãng hoặc xã Hoàng Châu, Cát Hải. Hải Phòng hiện đang phát triển rừng ngập mặn ven biển với chiều dài đề biển là 125 km, diện tích đất tự nhiên gần 152 nghìn ha, nằm trong vùng hạ lưu của hệ thống sông Thái Bình. Cùng với các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Quảng Ninh, Hải Phòng là một trong những địa phương có nhiều tiềm năng bãi triều và rừng ngập mặn. Trong đó, diện tích rừng ngập mặn tập trung tại bốn huyện và ba quận ven biển là Thủy Nguyên, Kiến Thụy, Tiên Lãng, Cát Hải, Đồ Sơn, Dương Kinh và Hải An.

Tại huyện Cát Hải, sinh kế chính của người dân là khai thác hải sản ven bờ và nuôi trồng thủy sản như nuôi ao, đầm và lồng bè. Các sinh kế truyền thống trong huyện được duy trì và có hiệu quả tốt, khá ổn định như đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, dịch vụ du lịch, chăn nuôi gà, dê núi, trồng cam, nuôi ong lấy mật. Một số loại hình sinh kế mới được hình thành và có hiệu quả ban đầu như trồng rau xanh, chăn nuôi lợn lai, dịch vụ chuyên chở khách... Đa dạng hóa sinh kế (đánh bắt, chế biến, nuôi trồng thủy sản) đang diễn ra phổ biến ở Cát Hải.

Tuy nhiên, việc xây dựng mô hình sinh kế phù hợp, ứng phó với BĐKH, mặc dù đã được quan tâm song việc hỗ trợ sinh kế thì còn nhiều bất cập. Cụ thể là dự án sinh kế không duy trì được do thiếu các chính sách, nguồn vốn. Việc chọn đối tượng để xây dựng sinh kế từ nguồn tài trợ khác nhau không phù hợp, chưa đúng... đã làm cho các sinh kế được thiết lập không được duy trì và phát huy hiệu quả.

Đối với loại hình sinh kế thông qua du lịch như ở Cát Bà, Hải Phòng, Sầm Sơn và Tĩnh Gia, Thanh Hóa hoặc Tiên Hải, Thái Bình, hoạt động sinh kế dựa vào du lịch ở các địa phương này rất phát triển và đem lại hiệu quả kinh tế cao. Song bên cạnh đó, ở một số địa bàn trong khu vực (khu vực đảo như đảo Cát Hải và hàng trăm đảo nhỏ khác) thì hầu như chưa phát triển hoạt động du lịch được do có

những rào cản và chính sách. Ví dụ như Quy chế quản lý biên giới hải đảo của Chính phủ không cho phép người nước ngoài đi du lịch ở các xã biên giới biển đảo. Điều này đã phần nào hạn chế phát triển một số loại hình du lịch có tiềm năng lớn và đối tượng tham gia là người nghèo ở các loại hình sinh kế du lịch cộng đồng.

Các tỉnh ven biển hải đảo Bắc Bộ đều đã có nhiều hoạt động tích cực, kịp thời và có hiệu quả cao trong thực hiện công tác ứng phó với thiên tai và BĐKH. Đối với các giải pháp cụ thể, tỉnh Thanh Hóa đã huy động các nguồn vốn khác nhau để đầu tư trồng rừng ngập mặn chống xói lở bờ biển, bảo vệ đề điều ở các huyện ven biển, tập trung nhiều nhất là tại các huyện Nga Sơn, Hậu Lộc, Thiệu Hóa. Thanh Hóa là tỉnh có đầu tư lớn nhất và có hiệu quả nhất trong công tác trồng rừng ngập mặn. Từ năm 2009 đến nay đã trồng được trên 2.000 ha rừng ngập mặn tại các huyện Nga Sơn, Hậu Lộc, Thiệu Hóa. Riêng tại xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc đã trồng mới được 447 ha, bảo vệ được 92 km đề biển chịu sức gió đến cấp 10-12. Hiện tại, tỉnh đã được phê duyệt dự án trồng 300ha rừng ven biển theo Chương trình mục tiêu Quốc gia, kinh phí dự kiến 38 tỉ đồng. Đây thực sự là một nguồn sinh kế hỗ trợ hiệu quả cho nhóm hộ nghèo khi họ tham gia các dự án trồng rừng ngập mặn ven biển và hải đảo Bắc Bộ hiện nay.

Bên cạnh đó, Thanh Hóa còn có các công trình ngăn mặn, giữ ngọt vùng ven biển. Thực hiện nhiều dự án cấp nước sinh hoạt và nước sản xuất cho các vùng ven biển (dự án cấp nước sinh hoạt cho 8 xã thuộc huyện Hậu Lộc với kinh phí 230 tỉ đồng); xây dựng nhiều trạm bơm để lấy nước tưới cho sản xuất ở các huyện ven biển. Xây dựng hệ thống đê bao để bảo vệ các khu dân cư và sản xuất, các khu nuôi trồng thủy sản trong đê tại các huyện, xã ven biển. Xây kè biển tại huyện Hậu Lộc và huyện Nga Sơn. Các kè này đã phát huy tác dụng rõ rệt trong việc giảm thiểu xói lở bờ biển.

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sử dụng giống chịu mặn chịu hạn trong sản xuất nông nghiệp ở vùng ven biển (ví dụ: đưa cây ớt vào trồng ở huyện Hậu Lộc và huyện Yên Định cho hiệu quả kinh tế cao và ổn định), đẩy thời vụ lúa đông xuân sang thời vụ xuân muộn, làm vụ mùa sớm hơn vào đầu tháng 5, hỗ trợ trực tiếp giống lúa CT16 là giống lúa ngắn ngày, chịu hạn và chịu mặn tốt.

Tại Thái Bình, các huyện có xã miền biển, thường có truyền thống quai đê lấn biển do đặc điểm của vùng biển trên địa bàn luôn được bồi hàng năm. Do vậy, tỉnh đã có nhiều chính sách hỗ trợ địa để tăng

diện tích đất cho xã cũng như hạn chế các tác động của sóng biển đến các hoạt động kinh tế xã hội bằng cách xây dựng các tuyến đê và trồng rừng ngập mặn để chống xói lở và ngăn mặn. Diện tích sử dụng trên địa bàn các xã chủ yếu là để nuôi trồng thủy sản cả nước lợ và nước mặn, chỉ có một số thôn là sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, đi tàu biển và đánh bắt các hải sản ở bãi bồi cũng là sinh kế chính của đa số người dân ở đây, do vậy việc xây dựng các mô hình sinh kế nuôi trồng và đánh bắt thủy sản phù hợp với năng lực của nhóm nghèo đang được quan tâm và triển khai, nhằm đảm bảo sinh kế trong điều kiện thích ứng với BĐKH vùng ven biển.

### 6. Một số đánh giá ban đầu

Người nghèo là đối tượng dễ bị tổn thương nhất dưới tác động của BĐKH. Ven biển và hải đảo Bắc Bộ là khu vực có diện tích lớn và địa thế quan trọng của Việt Nam. Trong những năm gần đây, cũng là khu vực có nhiều diễn biến phức tạp liên quan đến BĐKH và thảm họa thiên tai. Hậu quả của BĐKH và thiên tai ở ven biển và hải đảo Bắc Bộ, nếu tính theo trị số tương đối, có thể còn lớn hơn so với nhiều khu vực khác trên cả nước. Đặc biệt, ven biển và hải đảo là nơi tập trung dân cư đông đúc của vùng Bắc Bộ. Không chỉ dừng ở đó, ven biển và hải đảo Bắc Bộ đã và đang phải đối mặt với nhiều vấn đề nổi cộm khác như sức ép không ngừng gia tăng về dân số, sự suy giảm môi trường tự nhiên.

Cùng với các nghiên cứu khác về BĐKH tại Việt Nam, nghiên cứu đánh giá tác động của BĐKH đến nhóm người nghèo ven biển và hải đảo chỉ ra rằng xây dựng các mô hình sinh kế cho người nghèo cần xác định cụ thể về cơ chế, cách thức, tính hiệu quả đối với người nghèo. Để xây dựng sinh kế trong bối cảnh BĐKH để người nghèo trực tiếp thực hiện và

hưởng lợi là một việc làm khó khăn, liên quan đến 3 trụ cột của Khung sinh kế bền vững, đó là nguồn lực sinh kế hiện có; thể chế và chính sách của địa phương và các chiến lược sinh kế hiện tại và trong tương lai. Người nghèo có nguồn lực sinh kế yếu, nếu không nói là không có. Vì vậy, họ không có khả năng để xây dựng và duy trì sinh kế mới được tạo ra, kể cả trường hợp họ được sự hỗ trợ sinh kế. Thực tiễn ở nhiều địa phương trong cả nước cũng như cụ thể là ở một số vùng ven biển hải đảo thuộc các tỉnh Thái Bình, Hải Phòng và Thanh Hóa cho thấy đầu tư xây dựng mô hình sinh kế mới cho người nghèo hầu như chưa thành công. Tuy nhiên, dự trên kiến thức bản địa và kinh nghiệm cộng đồng, người nghèo vẫn có thể tự tạo dựng một sinh kế phù hợp cho mình trên cơ sở tham gia vào hoạt động của một sinh kế mới do nhóm người có năng lực kinh tế thực hiện. Ví dụ như làm thuê hoặc tham gia một công đoạn nào đó của mô hình sinh kế mới nhằm ứng phó với BĐKH. Mô hình sinh kế nuôi tôm mặn, lợ vùng ven biển phát triển mạnh mẽ bằng sự đầu tư của các hộ/nhóm hộ gia đình khá hoặc trung bình, nhóm hộ nghèo không có khả năng đầu tư vào các ao đầm và kĩ thuật nuôi tôm nhưng có thể làm công ăn lương giúp người nghèo có thêm thu nhập đảm bảo cuộc sống và giảm nghèo. Do vậy, vấn đề sinh kế cho nhóm người nghèo trong bối cảnh BĐKH nên được đặt ra từ việc sử dụng cách tiếp cận cộng đồng, và nhóm xã hội, để xác định một mô hình sinh kế phù hợp với nhóm người nghèo dù đó là mô hình trực tiếp hay gián tiếp đem lại hiệu quả kinh tế cho người nghèo vùng ven biển và hải đảo Bắc Bộ.

*Bài viết là một phần trong sản phẩm của Đề tài cấp Nhà nước, Mã số: BĐKH-21, thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với BĐKH (Mã số: KH-CN-BĐKH/11-15)*

### Tài liệu tham khảo

1. Chambers, R. and Conway, G.R, (1992), *Sustainable rural livelihoods: practical concepts for the 21st century*, Discussion paper 296, Brighton, UK: Insitute of Development Studies.
2. DFID, EC, UNDP, and World Bank, (2002), *Linking Poverty Reduction and Environmental Management: Policy Challenges and Opportunities*, Consultation Draft of Discussion Document, DFID, EC, UNDP, World Bank, London, Brussels, New York and Washington.
3. Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng (IRSD), (2014), *đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước, BĐKH – 21, 2013 – 2014.*
4. Oxfam, (2009), *Việt Nam: Biến đổi khí hậu, sự thích ứng và người nghèo. Tổng cụ Thống kê, (2008, 2009, 2010, 2012), Niên giám thống kê UBND các tỉnh Thái Bình, Hải Phòng, Thanh Hóa, (2014), Báo cáo tổng kết kinh tế xã hội năm 2013.*